

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2016/HNGĐ - ST

Ngày: 15/9/2016.

(V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Tần A Giao.

2. Bà: Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Khắc Huân - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 15 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2016/TLST - HNGĐ ngày 08/7/2016 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2016/QĐXX - ST ngày 31/8/2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Én** - Sinh năm 1997 (Có mặt).

Trú tại: Bản Đông Pao I, xã Bản Hôn, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Hàng A Nhà** - Sinh năm 1995 (Có mặt)

Trú tại: Bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/7/2016 và bản tự khai, các lời khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lò Thị Én trình bày:

Về hôn nhân: Chị Én với anh Hàng A Nhà kết hôn với nhau vào ngày 21/10/2015, không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống

hạnh phúc được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nhà không chịu làm ăn thường xuyên bỏ nhà đi chơi, đến tháng 3/2016 anh chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị Ẻn ở bản Đông Pao I, xã Bản Hon, huyện Tam Đường ở và làm ăn, thời gian đầu anh Nhà tu chí làm ăn sau đó anh Nhà thường xuyên về nhà mẹ đẻ của anh ở xã Sùng Phài, huyện Tam Đường ở, từ đó vợ chồng chị sống mỗi người một nơi từ tháng 7/2016 cho đến nay, hiện tại chị Ẻn xác định tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Ẻn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hàng A Nhà.

Về con chung: Chị Ẻn và anh Nhà có một con chung là cháu Lò Bảo Khánh (tên gọi khác Hàng A Ngọc) sinh ngày 22/12/2015, cháu mới được 6 tháng tuổi anh Nhà buộc chị Ẻn phải đưa cháu Khánh cho anh Nhà nuôi từ ngày 07/7/2016 cho đến nay. Sau khi ly hôn chị Ẻn có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Lò Bảo Khánh cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Hàng A Nhà phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Hàng A Nhà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của chị Ẻn về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, còn quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn anh Nhà cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn chỉ không thống nhất được nơi ở, nhưng chị Ẻn làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Ẻn.

Về con chung: Anh Nhà và chị Ẻn có một con chung là cháu Lò Bảo Khánh (tên gọi khác Hàng A Ngọc) sinh ngày 22/12/2015, hiện cháu đang ở với anh, nguyện vọng của anh sau khi ly hôn được nuôi con chung cháu Lò Bảo Khánh cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị Ẻn cấp dưỡng nuôi con chung. Còn chị Ẻn cũng có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Lò Bảo Khánh cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành thì anh không đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Ẻn và anh Hàng A Nhà tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 21/10/2015 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì chỉ không thống nhất được nơi ở chung, chị Ẻn thì muốn sống cùng với bố mẹ đẻ ở xã Bản Hon huyện Tam Đường, còn anh Nhà thì muốn chung sống với mẹ đẻ ở xã Sùng Phài huyện

Tam Đường, từ đó vợ chồng mỗi người sống một nơi từ tháng 7/2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Én làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị Én và anh Hàng A Nhà là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*” và “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị Én và anh Hàng A Nhà.

Về con chung: Chị Lò Thị Én và anh Hàng A Nhà có một con chung là cháu Lò Bảo Khánh (tên gọi khác Hàng A Ngọc). Cả chị Én và anh Nhà đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con. Chị Én và anh Nhà đều làm nông nghiệp không có thu nhập ổn định, đều sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ và không ai có tài sản riêng. Xét thấy cháu Lò Bảo Khánh sinh ngày 22/12/2015, hiện nay cháu còn quá nhỏ mới được 9 tháng tuổi cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “con dưới 36 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Xét chị Én có điều kiện để nuôi dạy và chăm sóc cháu Khánh hơn anh Nhà, chị là người mẹ, việc quan tâm chăm sóc con cái sẽ tốt hơn. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Lò Bảo Khánh cho chị Én nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Én yêu cầu anh Hàng A Nhà phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành nhưng anh Nhà không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, vì vậy anh Nhà phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó yêu cầu của chị Én là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ vào điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Khoản 4 Điều 14 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Én phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh Nhà phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên bố anh Hàng A Nhà và chị Lò Thị Ёn Không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lò Bảo Khánh, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Lò Thị Ёn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh Hàng A Nhà có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/1 tháng cho đến cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51; Khoản 2 Điều 53; Điều 69; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009; Khoản 4 Điều 14 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị Ёn và anh Hàng A Nhà.

2. Về con chung:

Giao cháu Lò Bảo Khánh (tên gọi khác Hàng A Ngọc) sinh ngày 22/12/2015 cho chị Lò Thị Ёn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Hàng A Nhà được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hàng A Nhà có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lò Bảo Khánh mỗi một tháng 500.000 đồng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, mà anh Nhà chưa thi hành được số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành được tính theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành tại thời điểm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Lò Thị Ân phải chịu 200.000^d án phí dân sự sơ thẩm. chị Ân đã nộp 200.000^d tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/ 0000975 ngày 08/7/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay 200.000^d đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hàng A Nhà phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Các đương sự nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga